

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 97/CHOLIMEX FOOD/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm:

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex

Địa chỉ: Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (028) 37653389 - 37654946 Fax: (028) 37653025

Email: cholimexfood@cholimexfood.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0304475742

Giấy chứng nhận ISO 22000:2018 số: HA 245/6.25.CI do Ủy ban Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quốc gia/ Trung tâm Chứng nhận Phù hợp (QUACERT) cấp

II. Thông tin về sản phẩm:

1. Tên sản phẩm: **HÁ CẢO TÔM CẢI BÓ XÔI**

2. Thành phần: Tôm (25 %), bột há cảo (bột nếp, bột khoai mì, bột bắp) (23 %), nước, cá tra, củ sắn, cải bó xôi (4 %), dầu nành, đường, muối iod (NaCl, KIO₃), dầu mè, hành tím, chất điều vị (621), tỏi, tiêu sọ, bột tôm, chất nhũ hóa (450(i)), bột lòng trắng trứng.

Thông tin, cảnh báo: Người dị ứng với các thành phần trên cần lưu ý khi sử dụng.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 18 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Khối lượng tịnh: 300 g hoặc khối lượng tịnh đúng với khối lượng tịnh đã ghi trên nhãn sản phẩm cho từng loại bao bì chứa đựng; hoặc tùy theo yêu cầu của từng thị trường, tùy theo yêu cầu của khách hàng.

Sản phẩm được đặt trong khay PE/PET/PS, đóng gói kín trong bao PE/PA (đạt yêu cầu bao bì chứa đựng thực phẩm, bao bì sạch, kín, đảm bảo vệ sinh).

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến).

Handwritten signature



IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm:

Công ty Cổ phần Thực phẩm Cholimex sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 8-3:2012/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm)

- QCVN 8-2:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm)

- QCVN 8-1:2011/BYT (Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm)

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT (Thông tư Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm) và Thông tư số 17/2023/TT-BYT (Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số văn bản quy phạm pháp luật về an toàn thực phẩm do Bộ trưởng Bộ Y Tế ban hành)

- Tiêu chuẩn kỹ thuật nội bộ

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 8 năm 2025

P. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Huyền Trang



KT3-06695ATP5/1-6

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2025
Trang 01/01

1. Tên mẫu : HÁ CẢO TÔM CÁI BÓ XÔI
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 14/07/2025
5. Thời gian thử nghiệm : 14/07/2025 - 21/07/2025
6. Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX
Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc,
Xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh
7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
7.1. <i>Salmonella</i> spp/ 25 g	ISO 6579-1:2017/ Amd.1:2020	Không phát hiện
7.2. <i>E.Coli</i> , CFU/g	ISO 16649 – 2 : 2001	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾
7.3. Staphylococci có phản ứng dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i> và các loài khác), CFU/g	ISO 6888-1:2021/ Amd-1:2023	Nhỏ hơn 10 ⁽¹⁾

Ghi chú:

- (1): Theo phương pháp thử, kết quả được biểu thị nhỏ hơn 10 CFU/g khi không có khuẩn lạc mọc trên đĩa

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-06695ATP5/1-7

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2025
Trang 01/01

- Tên mẫu : HÁ CẢO TÔM CÁI BÓ XÔI
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 14/07/2025
- Thời gian thử nghiệm : 14/07/2025 - 21/07/2025
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX
Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc,
Xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng cadimi, mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện
7.2. Hàm lượng chì, mg/kg	QTTN/KT3 098 : 2016	$3,00 \times 10^{-2}$	Không phát hiện
7.3. Hàm lượng thủy ngân, mg/kg	QTTN/KT3 064 : 2016	$1,50 \times 10^{-2}$	Không phát hiện

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM




Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-06695ATP5/1-8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2025
Trang 01/01

- Tên mẫu : HÁ CẢO TÔM CÁI BÓ XÔI
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 14/07/2025
- Thời gian thử nghiệm : 14/07/2025 - 21/07/2025
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX
Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng aflatoxin B ₁ , µg/kg	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện
7.2. Hàm lượng aflatoxin tổng số (B ₁ +B ₂ +G ₁ +G ₂), µg/kg	TCVN 7596:2007	0,25	Không phát hiện
7.3. Hàm lượng ochratoxin A, µg/kg	QTTN/KT3 223:2018 (Ref: AOAC (2000.03))	0,3	Không phát hiện

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM



Nguyễn Thành Công

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ngô Quốc Việt

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
- Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*

KT3-06695ATP5/1-9 **PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**
TEST REPORT

21/07/2025
Trang 01/01

1. Tên mẫu : **HÁ CẢO TÔM CẢI BÓ XÔI**
2. Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
3. Số lượng mẫu : 01
4. Ngày nhận mẫu : 14/07/2025
5. Thời gian thử nghiệm : 14/07/2025 - 21/07/2025
6. Nơi gửi mẫu : **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX**
Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh

7. Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Giới hạn phát hiện	Phạm vi đo ($\geq$)	Kết quả thử nghiệm
7.1. Năng lượng ^(*) • kcal/100 g	QTTN/KT3 024:2018		-	169
7.2. Hàm lượng protein, g/100 g	QTTN/KT3 140:2016 Phương pháp Kjeldahl		-	4,42
7.3. Hàm lượng carbohydrate không bao gồm chất xơ, g/100 g	AOAC 2020.07		-	31,0
7.4. Hàm lượng béo, g/100 g	QTTN/KT3 139:2016 (Có thủy phân)		-	3,00
7.5. Hàm lượng natri, mg/100 g	QTTN/KT3 293:2021 (Ref: AOAC 969.23)	-		462

Ghi chú: Hàm lượng protein = 6,25 x Hàm lượng nitơ tổng

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.
6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.

KT3-06695ATP5/1-10

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

21/07/2025
Trang 01/01

- Tên mẫu : HÁ CẢO TÔM CÁI BÓ XÔI
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Mẫu đựng trong bao bì ép kín.
- Số lượng mẫu : 01
- Ngày nhận mẫu : 14/07/2025
- Thời gian thử nghiệm : 14/07/2025 - 21/07/2025
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX
Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, Thành phố Hồ Chí Minh
- Kết quả thử nghiệm :

Tên chỉ tiêu	Phương pháp thử	Kết quả thử nghiệm
7.1. Hàm lượng nitrate (NO_3^-), mg/kg	TCVN 8160-4:2009	204
7.2. Hàm lượng disodium diphosphate tính theo phot pho ^(*) , mg/kg	QTTN/KT3 167 : 2017 (Ref: AOAC (985.01))	682

TRƯỞNG PTN THỰC PHẨM



Nguyễn Thành Công

TL. GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.
The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



THÀNH PHẦN - INGREDIENTS

Tôm (25 %), bột há cảo (bột nếp, bột khoai mì, bột bắp) (23 %), nước, cá tra, củ sắn, cải bó xôi (4 %), dầu nành, đường, muối iod (NaCl, KI), dầu mè, hành tím, chất điều vị (621), tỏi, tiêu sọ, bột tôm, chất nhũ hóa (450(i)), bột lòng trắng trứng.
Shrimp (25 %), hakao flour (glutinous rice flour, tapioca starch, corn starch) (23 %), water, catfish, yam bean, spinach (4 %), soybean oil, sugar, iodized salt (NaCl, KI), sesame oil, shallot, flavour enhancer (621), garlic, white pepper, shrimp powder, emulsifier (450(i)), egg white powder.
Thông tin, cảnh báo: Người dùng và các thành phần trên cần lưu ý khi sử dụng.

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG - INSTRUCTIONS FOR USE

Không cần rã đông / No need to thaw



Cách 1: Hấp. Khoảng 8 phút
Option 1: Steam for about 8 minutes.



Cách 2: Microwave (1000W). Khoảng 2 phút
Option 2: Microwave (1000W) for about 2 minutes.

GIÁ TRỊ DINH DƯỠNG TRUNG BÌNH TRONG 100 g

Năng lượng (Energy)	169 kcal
Chất đạm (Protein)	4,42g
Carbohydrat (Carbohydrate)	31 g
Chất béo (Total Fat)	3 g
Natri (Sodium)	462 mg

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN STORAGE

Bảo quản đông lạnh
ở nhiệt độ ≤ -18 °C
Keep frozen at -18 °C or below
Ngày sản xuất, hạn sử dụng
Xem trên nhãn.

300 g / 12 cái

Há Cảo Tôm Cải Bò Xôi
Shrimp and Spinach Dimsum



300 g

KHỐI LƯỢNG TỊNH
NET WEIGHT

Há Cảo
Tôm Cải Bò Xôi
Shrimp and Spinach Dimsum



Há Cảo Tôm Cải Bò Xôi
Shrimp and Spinach Dimsum

SẢN PHẨM CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

Lô C40-43/I, C51-55/II, đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc,
Xã Vĩnh Lộc, Thành Phố Hồ Chí Minh.

ĐT: (028) 37653389 - Fax: (028) 37653025

Hotline: (028) 37654946

Email: cholimexfood@cholimexfood.com.vn

Website: www.cholimexfood.com.vn

Sản xuất tại Việt Nam



KHỐI LƯỢNG TỊNH: 300 g

Ngày 15 tháng 8 năm 2025
P. Tổng Giám Đốc



Nguyễn Thị Huyền Trang



TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Sản phẩm: HÁ CẢO TÔM CẢI BÓ XÔI

1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:

- Trạng thái: Dạng rắn có nhân bên trong
- Màu sắc: Màu sắc đặc trưng của sản phẩm
- Mùi vị: Đặc trưng của sản phẩm, không có mùi vị lạ

1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật: Phù hợp QCVN 8-3:2012/BYT, mục II.4 (đối với thủy sản và sản phẩm thủy sản)

STT	TÊN CHỈ TIÊU	Giới hạn cho phép (CFU/g)
01	<i>E.coli</i>	5×10^2
02	<i>Staphylococci</i> dương tính với coagulase	10^2
03	<i>Salmonella</i>	Không phát hiện/ 25g

1.3. Hàm lượng kim loại nặng: Phù hợp QCVN 8-2:2011/BYT, mục II.2, II.3 và II.4 (nhóm giáp xác)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Cadimi (Cd)	mg/kg	0,5
02	Chì (Pb)	mg/kg	0,5
03	Thủy ngân (Hg)	mg/kg	0,5

1.4. Độc tố vi nấm: phù hợp theo QCVN 8-1:2011/BYT, mục 1.6 và 2.2 (nhóm các sản phẩm từ ngũ cốc (đã và chưa qua chế biến)).

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
01	Aflatoxin B1	µg/kg	2,0
02	Aflatoxin tổng số (tổng hàm lượng aflatoxin B1, B2, G1 và G2)	µg/kg	4,0
03	Ochratoxin A	µg/kg	3,0



CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM CHOLIMEX

Văn phòng và Nhà máy tại TP.HCM (EU CODE: DL 62, NM 556)
Lô C40-43/I, C51-55/II, Đường số 7, KCN Vĩnh Lộc, Xã Vĩnh Lộc, TP. Hồ Chí Minh.
Nhà máy Chế Biến Thực Phẩm Cholimex Food Bến Lức (EU CODE: TS 1265, KL 1282)
Lô C3-19, C3-24, Đường VL7, KCN Vĩnh Lộc 2, Xã Mỹ Yên, Tỉnh Tây Ninh

cholimexfood@cholimexfood.com.vn
www.cholimexfood.com.vn



MST: 0304 475 742

1.5. Các chỉ tiêu khác:

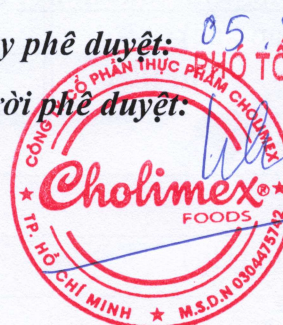
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa	Ghi chú
01	Nitrate (NO ₃)	mg/kg	300	Có thể có trong nguyên liệu nông sản
02	Disodium diphosphate	mg/kg	1500	(TT 24/2019/TT-BYT và TT 17/2023/TT-BYT)

1.6. Thành phần dinh dưỡng:

STT	Thành phần dinh dưỡng	Đơn vị tính	Giá trị
01	Năng lượng	kcal/100g	135 - 202
02	Chất đạm	g/100g	3.5 - 5.3
03	Carbohydrat	g/100g	24.8 - 37.2
04	Chất béo	g/100g	2.4 - 3.6
05	Natri	mg/100g	369 - 554

Ngày phê duyệt: 05.8.2025

Người phê duyệt:



Nguyễn Thị Huyền Trang